

Phụ lục III
Appendix III

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh., day 21 month 10 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ *CIRRICULLUM VITAE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - *The State Securities Commission;*
- *The Hanoi Stock Exchange.*

1/ Họ và tên /*Full name*: **Michael Hung Nguyen**

2/ Giới tính/*Sex*: Nam/*Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 21/10/1982/ *October 21, 1982*

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: Mỹ/ *USA*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: A36378025

Ngày cấp/*Date of issue*: 15/04/2024 / *April 15, 2024*

Nơi cấp/*Place of issue*: Mỹ/ *USA*

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Mỹ/ *USA*

7/ Dân tộc/*Ethnic*:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*: 3363 Main Rd., Tiverton, RI 02878, Mỹ/ *3363 Main Rd., Tiverton, RI 02878, USA*

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*: michael@msn.masangroup.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ phần Masan High-tech Materials/ *Masan High-tech Materials Corporation*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Tổng Giám đốc / *Chief Executive Officer*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:

STT	Tên Tổ chức	Chức vụ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan/ <i>Masan Group Corporation</i>	Phó TGĐ/ <i>Deputy CEO</i>
2	Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage/ <i>Phuc Long Heritage Corporation</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>
3	Nyobolt Limited	Giám đốc/ <i>Director</i>
4	Công ty Cổ phần Mobicast/ <i>Mobicast Joint Stock Company</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>
5	Công ty Cổ phần The CrownX/ <i>The CrownX Corporation</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>
6	Công ty Cổ phần Masan Consumer Holdings/ <i>Masan Consumer Holdings Corporation</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Board Chairman</i>
7	Công ty TNHH Masan Brewery/ <i>Masan Brewery Company Limited</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of Board Member</i>

14/ Số CP nắm giữ: 0, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning 0 shares, accounting for 0% of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: 0

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*:

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Sec urities sy mb ol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securiti es trading accoun ts (if availab le)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Positio n at the compa ny (if availab le)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relations hip with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s(ID/Passp ort/ Business Registrati on Certificat e)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiế u sở hữu cuối kỳ Nu mbe r of shar es own ed at the end of the peri od	Tỷ lệ sở hữu cổ phiế u cuối kỳ Perc ent age of shar es own ed at the end of the peri od	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the perso n becam e an affilia ted perso n/ intern al perso n	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the perso n ceased to be an affilia ted perso n/ intern al perso n	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reaso ns (when arisin g chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in posess ion of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Michael Hung Nguyen		TGD, Phó chủ tịch thứ hai HĐQT, thành viên HĐQT/ CEO, The 2 nd Vice Board		Hộ chiếu/ Passport	A36378025	15/04/20 24	Mỹ/ USA	Số 23 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. HCM/ No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, HCMC			21 / 10 / 2026		Bổ nhiệm / Appoi nted	

				<i>Chairman, Board Member</i>												
1.01		Diana Anh Nguyen			Mẹ/ <i>Mother</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	447776003	09/03/2009	Mỹ/ <i>USA</i>	143 Kittredge St., Roslindale, MA 02131, USA						
1.02		Liêu Xanh			Bố vợ/ <i>Father in law</i>	CCCD/ <i>ID</i>	074044000027	01/02/2019	Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management of Social Order</i>	289/13B Đường Bình Đông, P. Phú Định, TP. HCM/ 289/13B Binh Dong Street, Phu Dinh Ward, HCMC						
1.03		Trần Thị Mỹ Đức			Mẹ vợ/ <i>Mother in law</i>	CCCD/ <i>ID</i>	074153000087	01/02/2019	Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management of Social Order</i>	289/13B Đường Bình Đông, P. Phú Định, TP. HCM/ 289/13B Binh Dong Street, Phu Dinh Ward, HCMC						
1.04		Liêu Tú Châu			Vợ/ <i>Wife</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	B6579916	20/04/2012	Cục quản lý xuất nhập cảnh/	289/13B Đường Bình Đông, P.						

									<i>Immigrati on Departme nt</i>	Phú Định, TP. HCM/ 289/13B Binh Dong Street, Phu Dinh Ward, HCMC						
1.05		Mark Minh Tri Nguyen			Em/ <i>Brother</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	A35109007	06/07/20 23	Mỹ/ <i>USA</i>	6 Marina Blvd. #51- 22, Singapore 018985						
1.06		William Hoang Nguyen			Em/ <i>Brother</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	504320243	27/06/20 13	Mỹ/ <i>USA</i>	32 Murray Hill Rd., Roslindale , MA 02131, USA						
1.07		Marcus Quang Anh Nguyen			Con/ <i>Child</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	A36335463	19/03/20 24	Mỹ/ <i>USA</i>	289/13B Đường Binh Đông, P. Phú Định, TP. HCM/ 289/13B Binh Dong Street, Phu Dinh Ward, HCMC						
1.08		Cameron Lieu Chau Anh Nguyen			Con/ <i>Child</i>	Hộ chiếu/ <i>Passport</i>	511391287	01/11/20 13	Mỹ/ <i>USA</i>	289/13B Đường Binh Đông, P. Phú Định, TP. HCM/289 /13B Binh Dong Street,						

										Phu Dinh Ward, HCMC						
1.09		Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan/ <i>Masan Group Corporation</i>			Phó TGD/ <i>Deputy CEO</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	0303576603	18/11/2004	Sở Tài chính TP. HCM/ <i>Department of HCMC Finance</i>	Số 23 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. HCM/ <i>No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, HCMC</i>						
1.10		Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage/ <i>Phuc Long Heritage Corporation</i>			Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	0316871719	21/05/2021	Sở Tài chính TP. HCM/ <i>Department of HCMC Finance</i>	Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, P.Sài Gòn, TP. HCM/ <i>Room 702, 7th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Sai Gon Ward, HCMC</i>						
1.11		Nyobolt Limited			Giám đốc/ <i>Director</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	11863045	05/03/2019	Vương Quốc Anh/ <i>United Kingdom</i>	Unit 2 Evolution Business Park Milton Road, Impington, Cambridge, Cambs,						

									United Kingdom, CB24 9NG						
1.12		Công ty Cổ phần Mobicast/ <i>Mobicast Joint Stock Company</i>			Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	0107591436	07/10/2016	Sở Tài chính Hà Nội/ <i>Department of Hanoi Finance</i>	Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm Quốc tế, 17 Ngõ Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/ <i>4th Floor, International Center Building, 17 Ngo Quyen, Hoan Kiem Ward, Hanoi</i>					
1.13		Công ty Cổ phần The CrownX/ <i>The CrownX Corporation</i>			Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	0316333118	16/06/2020	Sở Tài chính Hà Nội/ <i>Department of Hanoi Finance</i>	Số 23 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. HCM/ <i>No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, HCMC</i>					
1.14		Công ty Cổ phần Masan Consumer Holdings/ <i>Masan Consumer Holdings Corporation</i>			Chủ tịch HĐQT/ <i>Board Chairman</i>	ĐKKD/ <i>Business Registration Certificate</i>	0309269038	06/08/2009	Sở Tài chính TP. HCM/ <i>Department of HCMC Finance</i>	Số 23 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. HCM/ <i>No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, HCMC</i>					

1.15		Công ty TNHH Masan Brewery/ <i>Masan Brewery Company Limited</i>			Chủ tịch HĐTV/ <i>Chairman of Board Member</i>	ĐKKD/ <i>Business Registrati on Certificat e</i>	03092689 26	06/08/2 009	Sở Tài chính TP. HCM/ <i>Departme nt of HCMC Finance</i>	Số 23 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. HCM/ <i>No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, HCMC</i>						
------	--	--	--	--	--	---	----------------	----------------	---	---	--	--	--	--	--	--

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



MICHAEL HUNG NGUYEN

T.G.P ★ H.T